

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC

ĐOÀN THỊ THU HÀ

**QUẢN LÝ SỰ PHỐI HỢP CÁC LỰC LƯỢNG
TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH
CỦA HIỆU TRƯỞNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
HUYỆN VŨ THU, THÁI BÌNH**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Mã số: 60 14 05

HÀ NỘI – 2010

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS HÀ NHẬT THẮNG

Phản biện 1: PGS.TS ĐINH THỊ KIM THOA

Phản biện 2: TS ĐẶNG VĂN CÚC

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
Họp tại: Phòng 401 Nhà G7 Trường Đại học Giáo Dục – ĐHQG Hà Nội
Vào hồi: 13 giờ 30 phút Ngày 23 tháng 02 năm 2012

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Thư viện , Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phòng Tư liệu Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu

1.1. Xuất phát từ tầm quan trọng của phối hợp các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho học sinh THCS trong giai đoạn hiện nay

Muốn phát triển con người toàn diện, đặc biệt khai thác phát triển tâm lực trong bối cảnh xã hội đan xen, giao thoa các yếu tố tích cực và tiêu cực... thì việc tổ chức thống nhất xây dựng môi trường GD lành mạnh, thân thiện, huy động thống nhất tiềm lực toàn xã hội, hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực, phát huy tối đa các ảnh hưởng tích cực là một quy luật khách quan. ***Đề tài mong muốn làm sáng tỏ vai trò của nhà trường, gia đình, xã hội trong việc GDĐĐ, phát triển nhân cách cho trẻ em. Đồng thời thấy được tầm quan trọng của việc liên kết và cách thức tổ chức liên kết các lực lượng GD để giáo dục trẻ độ tuổi THCS trong hoàn cảnh phức tạp hiện nay.***

1.2. Xuất phát từ việc GDĐĐ và phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho HS còn nhiều bất cập so với yêu cầu GD

Hơn hai mươi năm đổi mới, chúng ta đã thu được những thành tựu vô cùng to lớn, đáng tự hào, trong đó có GD – ĐT. Song mặt trái của cơ chế thị trường cũng có những biểu hiện đáng lo ngại, trong đó sự suy thoái về đạo đức và những giá trị nhân văn là vấn đề toàn xã hội quan tâm. Chính vì vậy, Nghị quyết Trung Ương 2 khóa VIII nhấn mạnh: “Đặc biệt đáng lo ngại là một bộ phận HS, sinh viên có tình trạng suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, theo lối sống thực dụng, thiếu hoài bão lập thân, lập nghiệp vì tương lai của bản thân và đất nước” trong đó có học sinh THCS.

Thực tế cho thấy xã hội, gia đình và ngay cả một bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên vẫn coi nhẹ việc GDĐĐ cho học sinh, chủ yếu vẫn coi việc dạy chữ hơn việc dạy người. Hoạt động quản lý của nhà trường, cụ thể là của hiệu trưởng thường tập trung nhiều vào quản lý hoạt động dạy học, còn lúng túng trong việc xây dựng môi trường giáo dục, thực hiện GDĐĐ, lối sống.

Muốn GDĐĐ nói riêng, phát triển nhân cách HS nói chung, cần tạo ra sự thống nhất tác động toàn xã hội; cần xây dựng được một môi trường GD lành mạnh, song rất tiếc hiện nay ở nhiều nơi, việc phối hợp các lực lượng xã hội - gia đình - nhà trường chưa thường xuyên và điều quan trọng là chưa xác định được những mục tiêu,

nội dung, chưa xây dựng được một cơ chế tổ chức thống nhất đồng thuận toàn xã hội, Vũ Thư Thái Bình cũng trong thực trạng đó.

Xuất phát từ những lý do trên, học viên chọn đề tài ***Quản lý sự phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức cho học sinh của hiệu trưởng Trung học Cơ Sở huyện Vũ Thư, Thái Bình*** làm luận văn tốt nghiệp cao học Quản lý giáo dục của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất một số biện pháp quản lý của hiệu trưởng nhằm tạo ra sự thống nhất các lực lượng trong giáo dục đạo đức cho học sinh THCS ở Huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình trong hoàn cảnh hiện nay.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu lý luận về việc quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh THCS.

3.2. Khảo sát đánh giá thực trạng quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh của hiệu trưởng ở các trường THCS Huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình.

3.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý của hiệu trưởng THCS nhằm phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh.

4. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

4.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh THCS.

4.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ học sinh của hiệu trưởng trường THCS.

5. Phạm vi nghiên cứu

5.1. Phạm vi nội dung nghiên cứu

Các vấn đề lý thuyết về sự hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh THCS; Vai trò của các lực lượng GD với việc GDĐĐ học sinh THCS; Sự cần thiết phải quản lý sự phối hợp các lực lượng GD để GDĐĐ cho học sinh THCS; Đề xuất các biện pháp quản lý của hiệu trưởng nhằm tăng cường sự phối hợp các lực lượng GD xã hội nhằm đạt hiệu quả GDĐĐ học sinh THCS.

5.2. Phạm vi không gian nghiên cứu

Nghiên cứu tại 30 trường THCS trong huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình.

5.3. Phạm vi thời gian nghiên cứu:

2 năm học liên tục: 2009–2010, 2010-2011.

6. Giả thuyết khoa học

Nếu có những biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng GDĐĐ học sinh sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất, phát huy tốt các yếu tố tích cực, chắc chắn hiệu quả GDĐĐ nói riêng và GD toàn diện nói chung sẽ được thực hiện có hiệu quả hơn.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu, các văn bản có liên quan nhằm xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra; phương pháp chuyên gia; phương pháp phỏng vấn; tổng kết rút kinh nghiệm; phương pháp nghiên cứu sản phẩm.

7.3. Phương pháp xử lý thông tin

- Phương pháp sử dụng toán thống kê; sử dụng các phần mềm tin học.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, tài liệu tham khảo, luận văn được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý sự phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức học sinh THCS

Chương 2: Thực trạng quản lý việc phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức HS của hiệu trưởng THCS ở Huyện Vũ Thư – Thái Bình.

Chương 3: Một số biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức cho học sinh của hiệu trưởng THCS.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ SỰ PHỐI HỢP CÁC LỰC LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC HỌC SINH

1.1. Lịch sử nghiên cứu

Về mặt lý luận cũng như thực tiễn, vấn đề GDĐĐ trong nhà trường phổ thông đã được nhiều nhà khoa học, nhà GD quan tâm.

Tác giả đã trình bày trong luận văn một số tác giả và một số công trình nghiên cứu liên quan đến GDĐĐ, Quản lý GDĐĐ, đặc biệt từ những năm 90 của thế kỷ XX trở lại đây như các tác giả Phạm Minh Hạc, Hà Nhật Thăng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Thị Kim Thoa... Những công trình xác định hệ thống giá trị đạo đức nhân văn của con người Việt Nam thời kỳ CNH – HĐH đất nước và hệ thống giá trị đạo đức trong sách giáo khoa môn Đạo đức (bậc tiểu học), môn GDCD ở THCS và THPT và trong chương trình hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Trong những công trình nghiên cứu trên đã khẳng định sự cần thiết của Đạo đức, GDĐĐ, xác định vai trò của GD nhà trường phổ thông và chỉ rõ những biện pháp, con đường thực hiện GDĐĐ nói chung. Tuy nhiên chưa có công trình nào về quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh ở địa bàn huyện Vũ Thư Thái Bình.

1.2. Một số khái niệm nghiên cứu đề tài

Trong luận văn, tác giả đã đề cập đến 6 khái niệm công cụ

1.2.1. *Quản lý và Quản lý giáo dục*

1.2.1.1. *Quản lý*

Quản lý là sự tác động gây ảnh hưởng của chủ thể quản lý bằng những công cụ, phương pháp mang tính đặc thù trong việc thực hiện các chức năng quản lý để đạt được mục tiêu chung của hệ thống.

1.2.1.2. *Quản lý giáo dục*

Quản lý GD là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật quản lý nhằm tổ chức, điều khiển hoạt động của khách thể quản lý làm cho hệ thống GD được quản lý nhằm thực hiện được các mục tiêu GD đề ra.

1.2.2. *Quản lý của hiệu trưởng*

Quản lý của HT là quá trình tổ chức, điều hành hoạt động GD toàn diện của một nhà trường; thể hiện ở Quản lý hoạt động dạy học, Hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ, phối hợp các lực lượng GD, Quản lý CSVC, Kiểm tra đánh giá...

1.2.3. Đạo đức

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là một hệ thống những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực phản ánh các quan hệ của con người, nhằm phát huy vai trò chủ thể của con người trong việc gìn giữ, bảo vệ và phát triển kinh tế xã hội, tự nhiên. Hệ thống chuẩn giá trị đó được mọi người, cộng đồng thừa nhận, tự nguyện thực hiện, nó góp phần điều chỉnh, đánh giá nhận thức và hành động của con người. Chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

1.2.4. Giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

GDDĐ là quá trình hình thành, phát triển ý thức đạo đức, GD tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức xã hội, GD và rèn luyện hành vi, thói quen đạo đức cho HS.

1.2.5. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức học sinh

Nhà trường; Gia đình; Các lực lượng xã hội tham gia giáo dục.

1.2.6. Phối hợp và quản lý sự phối hợp

Phối hợp các lực lượng giáo dục là sự cùng bàn bạc, hỗ trợ nhau của các lực lượng xã hội nhằm tạo ra sự thống nhất về nhận thức, hành động trong công tác GD của tất cả các tổ chức, cá nhân trong xã hội trong đó NT chủ động lên kế hoạch hoạt động phối hợp và có ký kết giao ước thực hiện mục tiêu, nội dung GD học sinh và xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của NT và các tổ chức khi tham gia các hoạt động GD trong và ngoài nhà trường theo một kế hoạch đã được bàn bạc.

Quản lý sự phối hợp theo nghĩa tổng quan là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội theo kế hoạch đã bàn và được cam kết nhằm đẩy mạnh công tác GD thể hệ trẻ theo yêu cầu phát triển xã hội. Có sự đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động, lấy ý kiến đánh giá phản hồi từ phía HS, GV, các lực lượng về hiệu quả các hoạt động đã thực hiện.

1.3. Vai trò của giáo dục đạo đức và phối hợp các lực lượng trong GDDĐ đối với sự phát triển nhân cách học sinh THCS

Trong luận văn tác giả đã khẳng định: Đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách. Đạo đức là nội lực của sự phát triển như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đạo đức Cách mạng là gốc của người Cách mạng”.

GDDĐ chính là nhân tố phát triển tâm lực, mà tâm lực là nội lực của sự phát triển nhân cách.

Vấn đề Đạo đức và GDĐĐ phải được nhìn nhận là điểm cốt lõi nhất của GD trong hoàn cảnh xã hội đan xen những yếu tố tích cực và tiêu cực đang hàng ngày, hàng giờ tác động vào quá trình phát triển nhân cách của HS. Chính vì vậy Quản lý phối hợp các lực lượng xã hội nhằm tạo ra sự đồng thuận, thống nhất tác động tới HS, phát huy tiềm năng của XH xây dựng một môi trường GD lành mạnh là một đòi hỏi bức xúc, cấp thiết hiện nay.

1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục và quản lý sự phối hợp các lực lượng xã hội nhằm tăng cường giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

Muốn nâng cao hiệu quả của quản lý phối hợp các lực lượng GD phải xác định những yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng tới việc quản lý hoạt động phối hợp. Nhưng trong luận văn, tác giả chỉ tập trung vào phân tích:

- Đặc điểm của hoàn cảnh xã hội Việt Nam đang trong quá trình thực hiện CNH – HĐH, mở cửa hội nhập chứa đựng những yếu tố tích cực và tiêu cực. Quản lý phối hợp các lực lượng xã hội nhằm phát huy những yếu tố tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực.

- Đặc điểm của học sinh THCS: Trong luận văn cũng cố gắng làm sáng tỏ đặc điểm tâm sinh lý HS THCS và vai trò của GD THCS vì đó là cơ sở và là mục tiêu của việc phối hợp và quản lý sự phối hợp phải hướng tới.

Tiểu kết chương 1

GD con người phát triển toàn diện là một quy luật tất yếu của yêu cầu CNH - HĐH thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển con người toàn diện là sản phẩm của quá trình tác động, phối hợp tổ chức các lực lượng xã hội theo một mục tiêu chung với sự tự giác học tập và rèn luyện của cá nhân.

Quản lý sự kết hợp giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng nơi ở, các tổ chức đoàn thể xã hội nhằm tạo ra sự thống nhất, nâng cao hiệu quả GD toàn diện, đặc biệt GDĐĐ cho HS nói chung và HS THCS nói riêng là một đòi hỏi cấp thiết.

Chỉ có Quản lý phối hợp giữa NT – GD và các lực lượng xã hội mới có thể thực hiện được mục tiêu GD con người phát triển toàn diện và nhà trường phải đóng vai trò trung tâm của sự phối hợp này.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VIỆC PHỐI HỢP CÁC LỰC LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CỦA HIỆU TRƯỞNG THCS HUYỆN VŨ THƯ – THÁI BÌNH

2.1. Sơ lược về Huyện Vũ Thư – Thái Bình và giáo dục THCS Huyện Vũ Thư – Thái Bình

Trong luận văn, tác giả đã trình bày những nét cơ bản nhất về tự nhiên, kinh tế xã hội, văn hoá của huyện Vũ Thư và sơ lược về cơ cấu, tổ chức giáo dục, kết quả giáo dục toàn diện của Giáo dục Vũ Thư nói chung cũng như giáo dục THCS nói riêng.

2.2. Thực trạng tình hình đạo đức học sinh THCS

2.2.1. Thực trạng chung

Kết quả xếp loại Văn hóa và Hạnh kiểm của học sinh THCS năm học 2010 – 2011 như sau: (Trích bảng 2.1 trong luận văn - nguồn Báo cáo tổng kết của Phòng GD – ĐT Vũ Thư):

XL. HK \ Năm học 2010-2011	Văn hóa		Hạnh kiểm	
	SL	%	SL	%
Tốt – Giỏi	1317	10.35	7853	61.74
Khá	4939	38.82	4173	32.81
Trung bình	4966	39.04	655	5.15
Yếu	1475	11.60	38	0.30
Kém	23	0.18		

Nhìn chung, đa số HS THCS Vũ Thư là chăm ngoan, nỗ lực trong học tập và rèn luyện, nhưng cũng còn gần **12% HS học yếu kém** và **6.45% HS có những hành vi sai sót về đạo đức**. Thường những HS học yếu về văn hóa thì cũng là những em có những biểu hiện hành vi không lành mạnh.

2.2.2. Thực trạng một số biểu hiện không lành mạnh về đạo đức học sinh THCS ở Huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình (thông qua phiếu điều tra)

Kết quả qua 500 phiếu điều tra chúng ta có thể thấy rằng thực trạng vi phạm đạo đức hiện nay của học sinh cấp THCS Vũ Thư – Thái Bình đang tập trung vào các vấn đề như:

1. Có **344 phiếu chiếm 68.8%**: Mê game, chat, viết và xem blog thường xuyên, chat tìm bạn trai...

2. Có **233 phiếu chiếm 46.6%** bị ảnh hưởng từ phim ảnh, ăn mặc chạy theo một

3. Có **268 phiếu chiếm 53.6%** cho rằng có hiện tượng chửi thề nói tục.

4. Có **197 phiếu chiếm 39.4%** đã có hiện tượng cặp bồ.

5. Có **161 phiếu chiếm 32.2%** thừa nhận chưa lễ phép với người lớn và thầy cô.

Kết quả điều tra nhận xét của xã hội phù hợp với thực tế diễn ra ở các trường. Có những hiện tượng trên là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thiếu tác động đồng bộ của NT – GD – XH.

2.3. Thực trạng nhận thức của các lực lượng xã hội về giáo dục đạo đức và phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh

2.3.1. Nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức cho học sinh

96% ý kiến được hỏi đều cho rằng công tác GDĐĐ cho HS là rất cần thiết.

2.3.2. Nhận thức về mức độ quan trọng của các phẩm chất đạo đức cần giáo dục cho học sinh THCS

Những phẩm chất đạo đức cần GD cho học sinh cũng được khẳng định với tỷ lệ phiếu trưng cầu ý kiến như sau (Bảng 2.5 trong luận văn):

TT	Phẩm chất	Mức độ					
		Rất quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng	
		%	xếp thứ	%	xếp thứ	%	xếp thứ
1	Lập trường tư tưởng chính trị	54.1	18	18.2	18	8.2	1
2	Ý thức độc lập dân tộc và CNXH	61.8	12	37.3	8	0.9	7
3	Tinh thần hợp tác quốc tế	40.3	20	53.2	3	6.5	2
4	Lòng tự trọng	72.1	6	27.9	12	0.0	20
5	Lòng trung thành	73.2	4	25.9	15	0.9	7
6	Lòng dũng cảm	67.0	11	33.0	9	0.0	20
7	Lòng khoan dung, độ lượng	61.3	13	63.6	1	0.0	20
8	Tính khiêm tốn và khả năng kiềm chế	76.0	2	24.0	17	0.0	20

9	Tính không cả nể	71.5	7	26.3	14	2.2	3
10	Tính trung thực	84.6	1	15.1	20	0.3	15
11	Tinh thần tập thể, tôn trọng nguyên vọng ý chí của tập thể	67.9	10	32.1	10	0.0	20
12	Tinh thần tự giác thực hiện nội qui, qui chế của tập thể	72.8	5	26.7	13	0.5	12
13	Tinh thần đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ người khác	70.9	8	27.3	12	1.8	4
14	Tinh thần vượt khó	68.0	9	31.1	11	0.9	7
15	Ý thức tiết kiệm	44.4	19	54.5	2	1.1	6
16	Ý thức tổ chức, kỷ luật	74.8	3	24.7	16	0.5	12
17	Thái độ quan tâm, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ người khác	58.5	14	40.2	6	1.3	5
18	Lối sống tình cảm, đúng mực	57.9	15	41.6	5	0.5	12
19	Lối sống giản dị, tiết kiệm	57.7	16	41.4	7	0.9	7
20	Hòa đồng với cộng đồng và môi trường	54.5	17	44.6	4	0.9	7

Qua kết quả điều tra cho thấy:

+ Những phẩm chất về Đạo đức trong quan hệ ứng xử, quan hệ Con người – Con người thì được nhiều người thừa nhận quan trọng là: Tính trung thực (**86.4%**); Khiêm tốn và khả năng tự kiểm chế (**76%**); Ý thức tổ chức, kỷ luật (**74.8%**); Lòng trung thành (**73.2%**); Tinh thần tự giác thực hiện nội qui, qui chế của tập thể (**72.8%**).

+ Những giá trị thể hiện tư tưởng chính trị của thời đại thì chưa được quan tâm thỏa đáng: Lập trường tư tưởng chính trị (54.1%); Tinh thần hợp tác quốc tế (40.3%); Hòa đồng với cộng đồng và môi trường (54.5%).

2.3.4. Thực trạng phối hợp các lực lượng giáo dục trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh THCS huyện Vũ Thư

2.3.4.1. Thực hiện chủ đạo của nhà trường trong việc phối hợp các lực lượng giáo dục nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh

Để tìm hiểu mức độ thực hiện việc phối hợp với các lực lượng GD nhằm GDĐĐ cho học sinh, tác giả đã tiến hành điều tra, kết quả khảo sát cho thấy như sau:
(Trích bảng 2.6 trong luận văn)

TT	Biện pháp	Mức độ					
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa sử dụng	
		%	Xếp thứ	%	Xếp thứ	%	Xếp thứ
1	GDĐĐ thông qua giáo viên giảng dạy các môn học trên lớp	80.0	1	18.7	19	1.3	21
2	GVCN liên lạc chặt chẽ với PHHS chậm tiến, HS có khó khăn trong rèn đạo đức.	79.9	2	17.4	22	2.7	18
10	Phối hợp với Ủy ban DS-GD-TE, TT y tế huyện Vũ Thư giáo dục SKSS cho HS.	44.9	18	46.5	1	8.6	9
9	Phối hợp với hội cựu chiến binh, hội phụ nữ GD truyền thống cho HS.	38.2	20	37.5	6	24.3	5
12	Phối hợp với đơn vị sản xuất trên địa bàn để GD ngành nghề cho HS	29.3	21	32.8	11	37.9	4
22	Thông qua cơ quan làm việc của PHHS.	24.4	22	28.7	10	46.9	2

Các nhà trường quan tâm tới các lực lượng GD chủ yếu và đã có nhiều biện pháp tổ chức phối hợp để GDĐĐ cho học sinh như:

- GDĐĐ thông qua các bài giảng trên lớp; GDĐĐ thông qua các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; NT chủ động phối hợp với hội CMHS (thường xuyên, có định kỳ, đột xuất...) để thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức GDĐĐ cho học sinh.

- Tuy nhiên một số tổ chức xã hội chưa được đánh giá cao và chưa thực hiện phối hợp nhiều đó là: Phối hợp với Ủy ban DS-GD-TE, Trung tâm y tế huyện Vũ Thư giáo dục SKSS cho HS; Phối hợp với đơn vị sản xuất trên địa bàn để GD ngành

nghe cho HS; Thông qua cơ quan làm việc của PHHS. Qua đó thấy được việc một số nhà trường chưa thực sự phát huy hết tiềm năng của các lực lượng XH trong GDĐĐ cho HS.

2.3.4.2. Thực trạng các hoạt động của gia đình phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh THCS huyện Vũ Thư

Thành lập ban đại diện CMHS, có tổ chức, có kế hoạch hoạt động, phối hợp với nhà trường; lập quỹ khuyến học;

Việc nhận thức được tầm quan trọng của sự phối hợp NT - GD chưa được đồng đều nên có nhiều gia đình quan tâm sát sao, tỉ mỉ nhưng cũng nhiều gia đình coi việc phối hợp là sự bắt buộc. Cá biệt có gia đình gần như khoán trắng việc GD con em mình cho nhà trường.

2.3.4.3. Thực trạng tham gia và ảnh hưởng của các tổ chức xã hội

Các lực lượng xã hội trên địa bàn Huyện Vũ Thư đã tham gia vào việc GDĐĐ nhưng còn chưa đều, mức độ ảnh hưởng rất khác biệt, nó cũng còn phụ thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng đó. Điều đó đặt ra cho các trường THCS huyện Vũ Thư là phải chủ động phối hợp hơn nữa, tận dụng sự ủng hộ, giúp đỡ hơn nữa của các tổ chức xã hội trên địa bàn.

2.3.5. Đánh giá thực trạng về giáo dục đạo đức và phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức cho học sinh THCS

Qua khảo sát, quan sát tìm hiểu thực tế, tọa đàm, phỏng vấn một số cán bộ, CMHS... chúng tôi có nhận xét khái quát:

2.3.5.1. Mặt mạnh

NT – GD – XH trên địa bàn huyện Vũ Thư đã có sự phối hợp để GD thế hệ trẻ trong đó GDĐĐ cho học sinh được quan tâm hàng đầu nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ hội nhập, CNH - HĐH đất nước.

Đa số học sinh ngoan, có động cơ học tập và rèn luyện đúng đắn, kế thừa và phát huy được những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của dân tộc (93% học sinh xếp loại hạnh kiểm khá và tốt).

2.3.5.2. Mặt yếu của hoạt động giáo dục đạo đức học sinh và nguyên nhân

- *Thực trạng chung giáo dục đạo đức học sinh:* Có một số không nhỏ HS còn sai lệch trong nhận thức về động cơ học tập, không có tinh thần vượt khó, không có ý

thức trách nhiệm với việc làm của chính bản thân, coi thường qui định của nhà trường thậm chí vi phạm pháp luật nhà nước.

Nguyên nhân của hiện tượng trên: do điều kiện tự nhiên, xã hội, biến đổi về tâm sinh lý học sinh,... quản lý hoạt động GD xã hội chưa đồng thuận.

2.4. Thực trạng quản lý sự phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức học sinh của hiệu trưởng

2.4.1. Thực trạng việc khảo sát tiềm năng của các lực lượng xã hội để lập kế hoạch sử dụng

Mục tiêu điều tra khảo sát chỉ nhằm phục vụ cho hoạt động dạy học và theo yêu cầu của giáo viên; *chưa quan tâm đúng mức tới việc quản lý sử dụng và kế hoạch phối hợp các lực lượng xã hội để GD học sinh nên nội dung khảo sát còn phiến diện* (nặng về CSVC). Chính vì không khảo sát nên không nắm chắc và không có kế hoạch phối hợp, sử dụng có hiệu quả.

2.4.2. Đánh giá việc xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng GD của các hiệu trưởng

Để biết mức độ thực hiện việc lập kế hoạch quản lý sự phối hợp các lực lượng xã hội trong GDĐĐ cho học sinh, tác giả đã điều tra với 20 hiệu trưởng và thu được kết quả như sau (*Bảng 2.11 trong luận văn*):

STT	Kế hoạch phối hợp	Mức độ thực hiện
1.	Có công việc thì bàn phối hợp.	70%
2.	Kế hoạch được xây dựng hàng tháng.	15%
3.	Kế hoạch được xây dựng từng học kỳ.	10%
4.	Kế hoạch được xây dựng hàng năm.	5%

Các HT chưa coi trọng việc lập kế hoạch phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho HS, hầu hết các trường chỉ có kế hoạch phối hợp khi có vụ việc.

Khi có sự vụ xảy ra, các hiệu trưởng lập kế hoạch vụ việc chưa thực sự quan tâm đến các tiềm năng của địa phương có thể khai thác phục vụ công tác GD học sinh thể hiện ở bảng các căn cứ xây dựng kế hoạch (*Bảng 2.12*):

TT	Những cơ sở để xác định kế hoạch quản lý giáo dục học sinh	Đã căn cứ	Chưa căn cứ
1.	Căn cứ vào mục tiêu GDĐĐ của cấp học	100%	0%
2.	Căn cứ vào tiềm năng của xã hội, tiềm năng của địa phương	50%	50%
3.	Căn cứ vào các hoạt động chính trị xã hội của địa phương	55%	45%
4.	Căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, Sở GD - ĐT, Phòng GD - ĐT	100%	0%

Cán bộ quản lý chưa nắm chắc được yêu cầu những nội dung cần phải xác định, phải huy động để phối hợp các lực lượng GDĐĐ cho HS. Nhiều cán bộ quản lý và giáo viên xem nhẹ việc phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho HS và nghiêm nhiên coi đó là công việc riêng của PHHS và nhà trường (Bảng 2.13).

STT	Nội dung	Có	Chưa
1.	Xác định mục tiêu của các hoạt động giáo dục	90%	10%
2.	Xác định các nội dung cần thực hiện	80%	20%
3.	Xác định nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia	50%	50%
4.	Thời gian thực hiện các hoạt động giáo dục	46%	54%
5.	Xác định quyền hạn, trách nhiệm cho các thành viên tham gia hoạt động phối hợp	55%	45%
6.	Xác định quy trình tổ chức các hoạt động phối hợp	60%	40%
7.	Xác định điều kiện, cơ sở vật chất	40%	60%
8.	Xác định người chủ trì và các lực lượng phối hợp	67%	33%
9.	Xác định yêu cầu kiểm tra, tổng kết, khen thưởng	20%	80%

2.4.3. Thực trạng tổ chức triển khai kế hoạch và việc kiểm tra đánh giá công tác phối hợp các lực lượng xã hội để giáo dục đạo đức

Ở Vũ Thư trong những năm qua, việc triển khai kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh là có nhưng chưa theo một quy trình cụ thể: Việc phát động phong trào làm còn hình thức, một số kế hoạch còn được thực hiện như là giải quyết việc đột xuất; việc chỉ đạo phối hợp còn lúng túng, khi thực hiện kế hoạch còn lúng túng về nguồn lực con người, tài chính, cơ sở vật chất... Bên cạnh đó công tác tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình làm chưa tốt chưa động viên được phong trào và cũng không thu nhận được các ý kiến phản hồi cho các hoạt động sau đó đạt hiệu quả hơn.

2.4.4. Thực trạng mức độ thực hiện những biện pháp quản lý của hiệu trưởng nhằm phối hợp, huy động các lực lượng xã hội để giáo dục đạo đức học sinh

Tác giả xin được trình bày một số kết quả khi điều tra về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý sự phối hợp giữa NT với GD và XH của hiệu trưởng như sau:

(Trích bảng 2.14 trong luận văn)

S T T	Phương pháp, cách thức phối hợp	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa sử dụng
1.	Tổ chức họp tổng kết định kỳ với PHHS.	80%	20%	0%
2.	Nhà trường và PHHS thường xuyên liên lạc (hàng tuần, hàng tháng) bằng điện thoại, sổ liên lạc, trang Website.	70%	30%	0%
3.	Phối hợp với hội CTĐ tổ chức các hoạt động từ thiện.	50%	50%	0%
4.	Phối hợp với trung tâm VH -TD-TT Vũ Thư, sở TD-TT Thái Bình tổ chức các hoạt động VH - VN - TD - TT lành mạnh.	10%	75%	15%
5.	Phối hợp với Đoàn TNCSHCM tổ chức các hoạt động XH.	5%	50%	45%
6.	Phối hợp với Huyện đội Vũ Thư, Cựu Chiến binh... giáo dục, rèn luyện quân sự và truyền thống quân đội NDVN cho HS.	0%	30%	70%
7.	Thông qua cơ quan làm việc của PHHS.	0%	20%	80%

Các nhà trường đã làm tốt và quản lý tốt việc quan hệ với PHHS một cách thường xuyên (70 – 80%). Việc thực hiện kế hoạch hóa chương trình hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp, kế hoạch hóa hoạt động GDĐĐ trong và ngoài nhà trường chưa được các nhà trường quan tâm, ***các nhà trường mặc nhiên công nhận vai trò số 1 của mình trong GDĐĐ học sinh và chịu trách nhiệm hầu như toàn bộ về chất lượng đạo đức học sinh, mà quên đi sự tác động không nhỏ của môi trường, sự ảnh hưởng, cộng đồng trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức khác với sự phát triển của mỗi đứa trẻ.***

Đặc biệt công tác kiểm tra đánh giá chưa thật sự được đặt ra, việc đôn đốc nhắc nhở chỉ mang tính thời sự phục vụ các hoạt động tại chỗ, chưa có sự tổng kết đánh giá, nhân rộng điển hình và những rút kinh nghiệm giúp cho các năm sau làm tốt hơn các nhiệm vụ GDĐĐ học sinh đặc biệt là phối hợp các lực lượng để GDĐĐ học sinh cũng như quản lý tốt hơn sự phối hợp các lực lượng này.

2.4.5. Nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý sự phối hợp các lực lượng xã hội trong giáo dục đạo đức học sinh

2.4.5.1. Các nguyên nhân

Nguyên nhân bao trùm lên tất cả là mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội là thiếu sự đồng bộ, chưa tạo ra thể thống nhất.

2.4.5.2. Đánh giá các nguyên nhân

Nguyên nhân thứ nhất: thiếu sự chủ động tích cực của NT và các lực lượng XH trong việc phối hợp với gia đình GDĐĐ cho HS:

- Chưa thống nhất về mục tiêu, mức độ, nội dung GDĐĐ.
- Chưa thống nhất tác động đồng bộ kịp thời.
- Chưa có kế hoạch hoạt động thống nhất, huy động toàn xã hội, các lực lượng và cá nhân tham gia hoạt động GDĐĐ học sinh.
- Phương thức tổ chức phối hợp chưa thật hợp lý.
- Phương pháp GD đôi lúc chưa thống nhất, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật chưa thật sự công bằng...

Nguyên nhân thứ hai: Nhà trường chưa thực sự nêu cao vai trò chủ động đề chỉ đạo các lực lượng GD trong nhà trường và phối hợp chặt chẽ với lực lượng GD ngoài nhà trường tạo nên sự thống nhất về mục tiêu, nội dung và biện pháp GDĐĐ cho HS, phát huy thể mạnh của các lực lượng GD tạo nên sức mạnh của toàn XH vào công tác GD thế hệ trẻ.

Tiểu kết chương 2

Công tác GDĐĐ và tổ chức phối hợp các lực lượng GDĐĐ cho học sinh THCS của huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình đã được tiến hành trong nhiều năm và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên kết quả của sự phối hợp này vẫn còn những bất cập, yếu kém, hiệu quả mang lại nhiều khi còn thấp, còn mang tính hình thức nhất là sự phối hợp giữa nhà trường với xã hội. Để khắc phục được những yếu kém đã phân tích ở trên không chỉ cần đòi hỏi có sự chuyển biến thực sự về nhận thức trong đội ngũ của những người làm công tác GDĐĐ mà cần phải có sự đổi mới căn bản công tác tổ chức phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong việc GDĐĐ cho học sinh.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ SỰ PHỐI HỢP CÁC LỰC LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO HỌC SINH CỦA HIỆU TRƯỞNG THCS

3.1. Một số nguyên tắc để xác định biện pháp

Khi nghiên cứu đề đề xuất các biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức cho học sinh, tác giả đã chú trọng các nguyên tắc: Biện pháp phải nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; phải đồng bộ; đặc biệt phải phát huy được tính tích cực của các tổ chức xã hội trong hoạt động GDĐĐ cho HS. Ngoài ra để có áp dụng rộng rãi các biện pháp trong nhiều môi trường thì biện pháp phải đảm bảo tính khả thi.

3.2. Một số biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức học sinh của hiệu trưởng THCS

Trong luận văn, tác giả đề xuất 5 biện pháp cơ bản nhằm giúp hiệu trưởng các trường THCS quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh, mỗi biện pháp được trình bày theo cấu trúc chung gồm các nội dung: *Mục tiêu của biện pháp; Nội dung của biện pháp; Cách thực hiện biện pháp.*

3.2.1. Khảo sát đánh giá tiềm năng của địa phương nhằm khai thác sử dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Khảo sát toàn bộ tiềm năng của địa phương để xây dựng kế hoạch sử dụng hợp lý những điều kiện thuận lợi của xã hội.

3.2.1.2. Nội dung của biện pháp

Trước hết thống kê nguồn lực người có thể tham gia.

Thống kê toàn bộ cơ sở vật chất, trang bị của các tổ chức xã hội, cơ sở sản xuất, cơ sở nghiên cứu khoa học.

Thống kê để sử dụng các cơ sở di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

3.2.1.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Bước 1: Xây dựng những biểu mẫu thống kê

Bước 2: Tổ chức khảo sát thống kê

Bước 3: Lưu trữ trong máy tính của lãnh đạo và của GVCN các lớp để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch quản lý và phối hợp giữa các lớp và của nhà trường trong từng năm và sử dụng nhiều năm.

Cần lưu ý: Những thống kê này hàng năm phải được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật thông tin mới đảm bảo tính chính xác cao.

Bước 4: Sau khi thống kê, cần có cuộc họp với các đối tác là những người có liên quan đến nguồn lực xã hội dự định phối hợp để xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, cơ chế phối hợp.

3.2.2. Xây dựng kế hoạch quản lý, phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức học sinh THCS

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Bất kỳ việc gì cũng cần có chương trình, kế hoạch mới có thể đạt mục tiêu mong muốn; nếu không có kế hoạch sẽ không đạt được hiệu quả cao trong công việc.

3.2.2.2. Nội dung biện pháp

Kế hoạch phải vạch ra được nội dung phối hợp giữa các lực lượng cần được thực hiện.

Việc xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động cần chỉ rõ cách thức, biện pháp tiến hành; nội dung công việc cần có biện pháp kèm theo.

Nhà giáo dục dự kiến đối tượng sẽ thực hiện các hoạt động giáo dục: Đối tượng phải bao gồm cả học sinh, PHHS, nhà GD và các lực lượng XH.

3.2.2.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Bản kế hoạch phải thể hiện được các nội dung sau:

- Xác định mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh.
- Đánh giá được thực trạng tình hình phối hợp các lực lượng giáo dục đạo đức cho học sinh ở địa phương.
- Đưa ra được các mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu lâu dài.
- Phân công công việc cụ thể, gán trách nhiệm đến từng thành viên, chỉ đạo thực hiện nhất quán.
- Tổ chức thực hiện bằng các biện pháp khả thi, đồng bộ.
- Giám sát đánh giá, kiểm tra tiến độ thực hiện, có điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoàn cảnh.

3.2.3. Xây dựng cơ chế quản lý, chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường với gia đình và các tổ chức xã hội

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Mục tiêu của việc xây dựng cơ chế quản lý và chỉ đạo phối hợp là xây dựng được ***những quy định về trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi và nghĩa vụ của các***

thành viên tham gia hoạt động giáo dục đạo đức học sinh; xác định được cách thức phối hợp, ai chịu trách nhiệm quản lý, điều hành? ai phối hợp hoạt động? những việc phải làm theo quy trình....

3.2.3.2. Nội dung của biện pháp

- Nhà trường phải làm tốt công tác GDĐĐ cho học sinh để tạo niềm tin của phụ huynh, của Đảng, của chính quyền và nhân dân địa phương đối với nhà trường.
- Gắn nhà trường với gia đình và các lực lượng xã hội.
- Có cơ chế phối hợp hoạt động, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn cụ thể đến từng thành viên tham gia phối hợp hoạt động.
- Tăng cường kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời.

3.2.3.3. Cách thực hiện biện pháp

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường và gia đình

Xây dựng cơ chế phối hợp với gia đình là xác định trách nhiệm, nhiệm vụ của hội CMHS và của từng gia đình, từng phụ huynh trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, quản lý học sinh và tạo điều kiện cho học sinh học tập và tham gia các hoạt động do trường, lớp tổ chức.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng xã hội:

Đây là những cách thức phối hợp, những tác động GD giữa nhà trường và các lực lượng GD xã hội trong địa bàn dân cư nơi trường đóng và nơi HS sinh sống.

3.2.4. Tổ chức bồi dưỡng nhận thức và kỹ năng sư phạm, tổ chức giáo dục và phối hợp trong giáo dục đạo đức cho các lực lượng xã hội

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường (Đảng, Đoàn TNCSHCM, Công đoàn...) về tầm quan trọng và sự cần thiết của GDĐĐ và quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh, tạo nên sự nhất trí cao và sự phối hợp đồng bộ giữa các thành viên, các tổ chức trong và ngoài nhà trường đối với công tác GDĐĐ cho học sinh và từ đó tích cực, chủ động tổ chức và tham gia vào hoạt động có hiệu quả.

3.2.4.2. Nội dung của biện pháp

Nâng cao nhận thức, xác định vai trò nhiệm vụ và nội dung của công việc phối hợp nhà trường và gia đình:

Nhà trường cần chỉ ra cho các bậc cha mẹ học sinh những khả năng ưu thế đặc biệt của GD gia đình, đặc biệt giúp cho họ ý thức được một cách sâu sắc mục đích GD của nhà trường XHCN, mục tiêu GDĐĐ ở trường phổ thông.

Các bậc CMHS có trách nhiệm chủ động hợp tác với nhà trường trong việc tổ chức hoạt động GD con em, hiểu rõ nhiệm vụ của mình tránh tư tưởng khoán trắng cho nhà trường hoặc đề ra những yêu cầu GD đi ngược lại mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường quy định.

3.2.4.3. Cách thực hiện biện pháp

- Gia đình cần chủ động liên kết với nhà trường, với GVCN để nắm vững mục tiêu, nội dung giáo dục, học tập của con em mình.

- Tham gia cùng với nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động ngoại khóa nếu các bậc cha mẹ có điều kiện, khả năng.

- Giúp đỡ động viên các thầy cô giáo, nhất là thầy cô giảng dạy, GVCN lớp của con em mình học tập tinh thần, tình cảm, trao đổi kinh nghiệm.

- Tham gia đầy đủ các buổi trao đổi về học tập, rèn luyện của con cái mà GVCN triệu tập hoặc nhà trường yêu cầu.

- Tham gia đánh giá kết quả học tập, rèn luyện cho con em và quá trình hoạt động GD của học sinh ở trường lớp học.

- Gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội là ba tác nhân tác động trực tiếp đến thế hệ trẻ, đến sự tồn vong và hưng thịnh của quốc gia. Nhà trường cần tổ chức liên kết các lực lượng giáo dục sống trong cộng đồng, hướng vào những lĩnh vực giáo dục mà cộng đồng có ưu thế như: Giáo dục truyền thống, giáo dục bản sắc văn hóa địa phương...

- Xây dựng cụm dân cư thành môi trường văn hóa.

- Tuyên truyền giáo dục cho các bậc cha mẹ về đường lối GD, mục đích, mục tiêu GD, phương pháp dạy con nên người.

- Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

- Tham gia vận động nhân dân xóa bỏ các hủ tục, các tệ nạn xã hội, nâng cao dân trí, khuyến khích các tài năng phát triển, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục trong nhân dân.

- Đề cao truyền thống hào hùng của dân tộc, biết ơn những người có công với đất nước với cách mạng với địa phương qua các gia đoạn lịch sử khác nhau, thức tỉnh lương tri của cộng đồng trong các hoạt động từ thiện...

3.2.5. Thường xuyên kiểm tra đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm nhân điển hình tiên tiến, tạo dựng một phong trào toàn dân tham gia giáo dục học sinh

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Vấn đề kiểm tra đánh giá việc phối hợp các lực lượng nhằm GDĐĐ cho HS là khâu quan trọng cuối cùng của quá trình tổ chức phối hợp trên, đảm bảo tạo lập mối quan hệ ngược thường xuyên và vững bền trong quản lý, làm khép kín chu trình vận động của quá trình quản lý GD.

3.2.5.2. Nội dung của biện pháp

- Xây dựng chuẩn nội dung của quá trình kiểm tra đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá theo tiến trình thời gian trong năm học.
- Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra đánh giá và có điều chỉnh kịp thời nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho các lực lượng tham gia hoạt động GDĐĐ cho HS hoạt động có hiệu quả và có tác dụng thúc đẩy cao nhất.

3.2.5.3. Cách thực hiện biện pháp

- + Lực lượng tham gia kiểm tra đánh giá gồm nhà trường, đại diện cha mẹ học sinh và cán bộ quản lý xã hội ở địa phương.

- + Trong công tác kiểm tra phân công rõ trách nhiệm và sự phối hợp hoạt động của các lực lượng.

- + Tổ chức kiểm tra đánh giá cần phối hợp chặt chẽ các hình thức kiểm tra giữa gián tiếp, giữa thường xuyên và đột xuất.

- + Người quản lý thường so sánh với chuẩn đặt ra để đánh giá điều chỉnh các sai lệch trong quá trình thực hiện.

- + Đánh giá cần coi trọng thực chất, không chạy theo hình thức.

- + Khi có kết quả đánh giá người quản lý cần thực hiện hành động điều chỉnh hoặc phát huy, hoặc uốn nắn, hoặc xử lý để cho quá trình thực hiện được tốt hơn.

- + Thực hiện tốt việc thi đua khen thưởng.

3.3. Mối quan hệ hữu cơ giữa các giải pháp

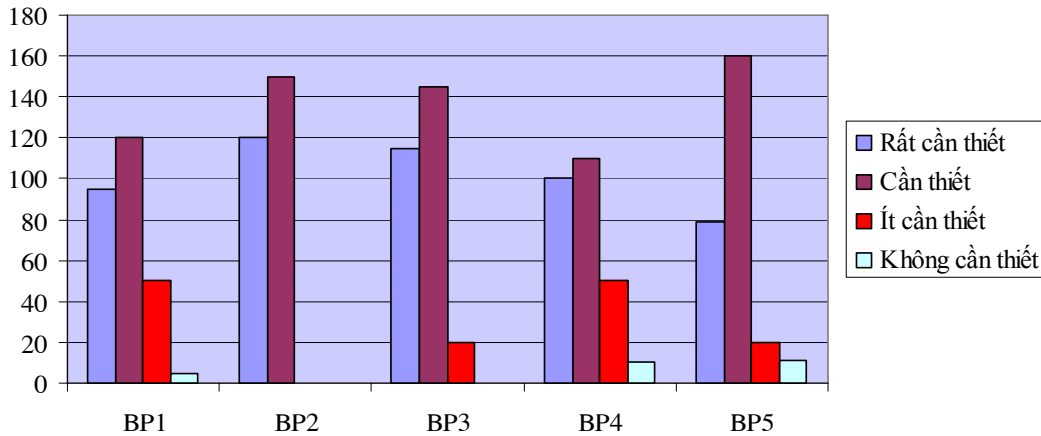
Mỗi giải pháp quản lý có những mặt mạnh và những điểm hạn chế riêng. Không giải pháp nào có tính vạn năng nên cần phải phối hợp đồng bộ nhiều giải pháp

để các giải pháp này hỗ trợ và bổ sung cho nhau, phát huy được mặt tích cực, đồng thời khắc phục những mặt còn tồn tại hạn chế của từng giải pháp.

3.4. Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp đề xuất

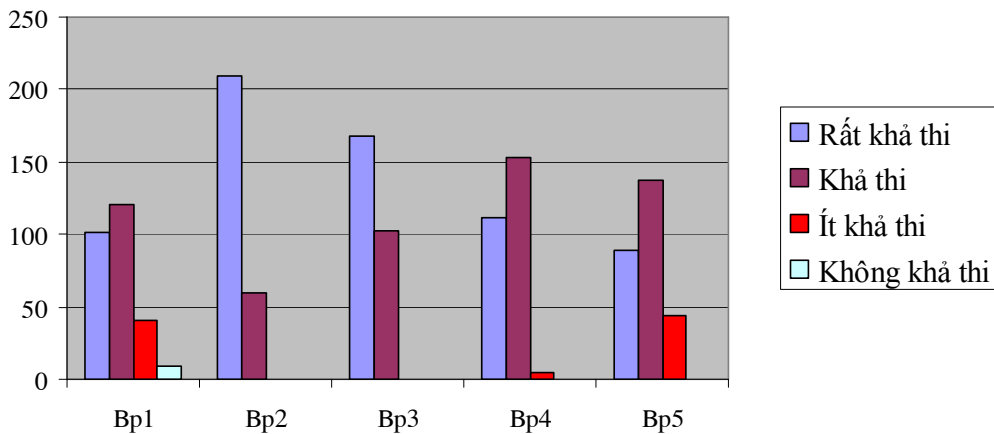
Kết quả cho thấy: 100% ý kiến cho rằng 5 biện pháp đưa ra đều cần thiết và rất cần thiết đối với công tác tổ chức phối hợp nhằm GDĐĐ cho học sinh THCS

Biểu đồ 3.1: Khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp



Không có ý kiến nào phản đối về 5 biện pháp trên. Điều đó chứng tỏ rằng các lực lượng tham gia tổ chức phối hợp cũng như đối tượng được GD có nhận thức khá đúng đắn về tầm quan trọng của việc phân định trách nhiệm GD trong tổ chức phối hợp các lực lượng GD.

Biểu đồ 3.2: Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp



Kết quả cho thấy: các biện pháp 2, 3, 4 NT có vai trò chủ động thì xếp thứ bậc cao 1, 2, 3. Các biện pháp 1; 5 xếp thứ bậc thấp hơn và có một tỷ lệ nhỏ cho rằng ít khả thi. Như vậy, cho dù đánh giá về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

là khác nhau, nhưng nhìn chung hầu hết các ý kiến đều cho rằng 5 biện pháp áp dụng cho công tác quản lý sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh là cần thiết và khả thi trong quá trình thực hiện.

Từ những kết quả kiểm chứng trên, chúng tôi có thể kết luận: Những biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng GD nhằm GDĐĐ cho học sinh THCS Huyện Vũ Thư mà chúng tôi đề xuất đã được đa số các lực lượng phối hợp tán thành. Các biện pháp đưa ra hoàn toàn cần thiết và có tính khả thi cao. Việc thực hiện các biện pháp trên một cách có hệ thống, đồng bộ chắc chắn sẽ tạo ra sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, tổ chức phối hợp các lực lượng GDĐĐ cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng GDĐĐ cho học sinh THCS Vũ Thư.

Tiểu kết chương 3

Các biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng GDĐĐ mà tác giả đề xuất hoàn toàn có thể áp dụng được ở những nơi khác nhau song cần vận dụng linh hoạt.

Việc quản lý tốt sự phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho HS sẽ tạo ra môi trường GD lành mạnh thân thiện, sẽ tạo ra sự tác động thuận giúp quá trình hình thành và phát triển nhân cách của HS có nhiều thuận lợi và phù hợp với mục tiêu GD của Đảng và nhà nước.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác GDĐĐ cho học sinh THCS đòi hỏi phải nắm vững định hướng, mục tiêu, nội dung, phương pháp GD phù hợp với lứa tuổi, lứa tuổi đang có những bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển nhân cách của một con người. Vì thế đòi hỏi các chủ thể GD phải chủ động phối kết hợp với nhau trong quá trình GD.

Trong sự phối hợp đó, nhà trường giữ vị trí, vai trò trung tâm, là cơ quan chuyên trách phải thực sự là hạt nhân của sự phối hợp đảm bảo cho các chủ thể GD thống nhất với nhau về mục tiêu, nội dung, phương pháp GD, song phải đa dạng về biện pháp, hình thức tổ chức và phương tiện GD để phát huy được thế mạnh của các lực lượng xã hội, tạo sức mạnh tổng hợp để đạt hiệu quả GD cao nhất.

Chúng tôi đề xuất 5 biện pháp quản lý sự phối hợp các lực lượng GD trong công tác GDĐĐ cho học sinh THCS Vũ Thư tỉnh Thái Bình. Chúng tôi hi vọng và tin tưởng rằng, những biện pháp đã trình bày sẽ góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội chăm lo giáo dục HS, nhằm mục tiêu phát triển nhân cách cho HS một cách tốt nhất.

2. Khuyến nghị

2.1. Với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Bình

- Xây dựng quy chế thống nhất phối hợp giữa NT – GD - XH, huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác GD. Tạo nhiều cơ hội hơn nữa cho các trường được tham gia các dự án nhằm GD học sinh trong những vấn đề đạo đức nổi cộm trong giai đoạn hiện nay. Có cơ chế khen thưởng xứng đáng cho các đơn vị tổ chức tốt hoạt động Giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy tích hợp GDĐĐ nhân cách cho học sinh trong các môn học.

- Tiến hành đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân trong nhà trường bằng cách kết hợp giữa học bài, vận dụng kiến thức của bài với các hành vi trong cuộc sống.

2.3. Với Phòng GD và ĐT Vũ Thư

Tham mưu với Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của huyện chỉ đạo các cấp, các ngành kết hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác GDĐĐ cho học sinh trên địa bàn huyện. Triển khai kế hoạch thường kỳ chỉ đạo công tác GDĐĐ cho học sinh các trường trên địa bàn toàn huyện.

Chỉ đạo làm điểm một số mô hình phối hợp các lực lượng GDĐĐ cho học sinh THCS. Có cơ chế khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể làm tốt công tác GDĐĐ cho học sinh.

2.3. Với các nhà trường

Tăng cường vai trò chủ đạo của nhà trường trong phối hợp các lực lượng để GDĐĐ cho học sinh. Đồng thời có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch hoạt động phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để GDĐĐ cho HS.

Lồng ghép việc GDĐĐ vào các giờ lên lớp, tích cực đổi mới việc đánh giá đạo đức HS và kết quả học tập môn Giáo dục công dân theo đánh giá hành vi.

2.4. Với Cha mẹ học sinh

CMHS cần quan tâm đến con cái nhiều hơn, dành nhiều thời gian để hiểu con, giúp đỡ con trong học tập và rèn đạo đức.

Tích cực học hỏi nâng cao hiểu biết về phương pháp, nội dung GDĐĐ cho con em.

Tăng cường liên lạc với nhà trường, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong quản lý, GDĐĐ cho con em.

Tích cực tham gia xã hội hóa GD cả nhân lực, vật lực và tài lực.

2.5. Với các tổ chức xã hội

- Phối hợp với NT tạo dư luận, sức mạnh để ngăn cản, cảm hóa những hành vi vi phạm đạo đức của học sinh. Xây dựng môi trường GD lành mạnh, trong sạch giúp học sinh hoàn thiện nhân cách.

- Hỗ trợ nhà trường về chuyên môn, kinh phí, phương tiện vật chất để tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp và GDĐĐ cho học sinh.

- Đồng bộ ra quân với nhà trường trong các cuộc vận động để đạt hiệu quả cao và triệt để hơn.